TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 01/2026/LĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2026
Về việc tranh chấp *"Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên- Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân khu vực 3- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-LĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp *"Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà , sinh năm: 1989

Địa chỉ: - Có mặt;

2. ***Bị đơn:*** 1. Bà , sinh năm 1987

Địa chỉ: - Có mặt;

2. **(Đà Nẵng)**

Địa chỉ: - Xin xét xử vắng mặt;

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** **;**

Địa chỉ: - Xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2025, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà trình bày:

Tôi () và bà là chị em ruột, khoảng tháng 3 năm 2011 do chị không có bằng tốt nghiệp cấp 2 nên xin việc làm không được, vì là chỗ chị em ruột nên tôi đã cho chị mượn giấy tờ tùy thân của mình để ký hợp đồng lao động làm công nhân tại .

Lúc đó tôi cũng không suy nghĩ gì, tôi bắt đầu đi làm tại và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc với mã số BHXH: 4810016507 từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 thì dừng làm việc tại Công ty này.

Sau đó tôi chuyển sang làm việc và tham gia bảo hiểm bắt buộc tại từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 3 năm 2014 với mã số BHXH: 4810016507 và tôi dừng làm việc tại công ty này.

Tiếp tục tôi chuyển sang làm việc và tham gia bảo hiểm bắt buộc tại từ tháng 5 năm 2014 đến tháng năm 5 năm 2024. Tổng thời gian tôi tham gia đóng bảo hiểm xã hội là 13 năm 02 tháng.

Sau một thời gian tôi đi làm tham gia đóng bảo hiểm thì tôi phát hiện ra tại thời điểm tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 bên bà cũng đóng bảo hiểm lấy tên tôi tại .

Như vậy đã đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà là 01 năm 01 tháng (từ tháng 03 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 với mã số số BHXH: 4811014099

Do vậy nơi bà làm việc và nơi bà làm việc đều tham gia đóng BHXH bắt buộc cho bà () tại cơ quan BHXH, sự việc này dẫn đến tôi có 02 sổ BHXH: mã số: 4810016507 và 4811014099.

Chính vì lý do này nên tôi không thể chốt sổ bảo hiểm tại thời gian này, nhận thấy quyền lợi của tôi bị ảnh hưởng nên tôi làm đơn này đề nghị tòa án các vấn đề sau:

- Tuyên hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 giữa bà với vì trong khoảng thời gian tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà trong khi hợp đồng lao động mang tên .

Về việc giải quyết hậu quả của hợp động lao động vô hiệu tôi không yêu cầu.

* Bị đơn bà trình bày: Tôi và bà là chị em ruột, khoảng tháng 3/2011 do tôi không có bằng tốt nghiệp cấp 2 nên xin việc làm không được, vì là chị em ruột nên tôi đã mượn giấy tờ tùy thân của em tôi là để ký hợp đồng lao động làm công nhân tại (từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2012 thì kết thúc hợp đồng lao động).

Trong thời gian này em tôi là cũng đang làm việc và đóng bảo hiểm tại nên bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên em tôi không thể chốt sổ sổ bảo hiểm xã hội của mình.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 giữa bà với là vô hiệu, vì trong thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2012 do không đúng người lao động tham gia ký hợp đồng lao động; người lao động trực tiếp tham gia lao động là .

Nay tôi nhận thấy việc làm này là sai quy định, tôi cam kết quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bằng sổ này là không đúng với thông tin của tôi.

Về việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu tôi không yêu cầu.

* (Đà Nẵng) trình bày: Công ty xác nhận như sau:

Công ty đã kiểm tra và xác nhận có 1 hồ sơ mang tên , sinh ngày 16/08/1989, bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 14/02/2011 và đã nghỉ việc từ ngày 03/04/2012. Bà có giao kết hợp đồng lao động với Công ty. Vị trí việc làm là Công nhân lập ráp linh kiện điện tử, loại Hợp đồng lao động đã giao kết với Công ty là hợp đồng xác định thời hạn 2 năm. Bà có tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) từ tháng 03/2011 đến tháng 03/2012 với mã số bao hiểm xã hội: 4811014099.

Ý kiến của (Đà Nẵng):

Công ty thực hiện việc tuyển dụng bà theo đúng quy định của pháp luật và quy trình tuyển dụng của Công ty. Trong thời gian bà làm việc tại Công ty, Công ty đã thực hiện đóng BHXH cho bà theo quy định của Luật BHXH. Và khi bà nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật.

Về nội dung bà yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/03/2011 giữa bà và trong khoản thời gian từ tháng 3/2011 để 03/2012 là vô hiệu vì không đúng người tham gia ký kết hợp đồng lao động: Công ty không có ý kiến gì về vụ việc, đề nghị Toàn án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo Hiểm xã hội đã được Tòa án tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà đều vắng mặt nên Tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo Hiểm xã hội đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tất cả các phiên hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 6, Điều 26, khoản 1 Điều 30 Luật lao động năm 1994 (sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007); Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà .

Tuyên bố Hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 giữa bà với (Đà Nẵng) vô hiệu.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 3-Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 32; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn (Đà Nẵng); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo Hiểm xã hội xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà và bà là chị em ruột, khoảng tháng 3 năm 2011 do bà không có bằng tốt nghiệp cấp 2 nên bà mượn giấy tờ tùy thân của bà để ký hợp đồng lao động làm công nhân tại (Đà Nẵng).

Lúc này bà bắt đầu đi làm tại và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc với mã số Bảo hiểm xã hội: 4810016507 từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012 thì dừng làm việc tại Công ty này.

Sau đó bà chuyển sang làm việc và tham gia bảo hiểm bắt buộc tại từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 3 năm 2014 với mã số BHXH: 4810016507 thì bà dừng làm việc tại công ty này để chuyển sang làm việc cơ quan khác.

Sau thời gian bà đi làm tham gia đóng bảo hiểm xã hội thì tại thời điểm tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 bà cũng đóng bảo hiểm lấy tên bà tại (Đà Nẵng).

Như vậy, (Đà Nẵng) nơi bà làm việc và nơi bà làm việc đều tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bà , tại dẫn đến bà có 02 sổ Bảo hiểm xã hội: mã số: 4810016507 và mã số 4811014099.

Theo Hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 thì bà bắt đầu làm việc tại (Đà Nẵng) từ ngày 14/02/2011, vị trí việc làm là công nhân lắp ráp linh kiện điện tử, loại hợp đồng xác định thời hạn là 2 năm, đến ngày 03/4/2012 thì nghỉ việc.

Xét thấy, bà có cho bà mượn giấy tờ tùy thân mang tên để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2012 tại (Đà Nẵng). Trong khi đó, bà cũng tham gia lao động tại từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 02 năm 2012, tại từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 3 năm 2014, tại từ tháng 5 năm 2014 đến tháng năm 5 năm 2024 theo số sổ bảo hiểm xã hội là 4810016507. Nay bà không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ Bảo hiểm xã hội số 4810016507 nên yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 giữa bà (do bà) với

(Đà Nẵng) từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2012 là có căn cứ. Bởi vì, đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại (Đà Nẵng) là bà , không phải là bà , điều đó đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994.

Việc bà cho bà mượn giấy tờ tùy thân để đi làm tại (Đà Nẵng) là vi phạm nguyên tắc "Trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014. Do đó, sổ Bảo hiểm số 4811014099 cần điều chỉnh từ tên thành tên là phù hợp thực tế.

Bà không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không dặt vấn đề xem xét.

Việc () không có ý kiến gì trong vụ án và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ; tuyên Hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 giữa bà với (Đà Nẵng) từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 vô hiệu.

[4]Án phí lao động sơ thẩm: Bà tự nguyện chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Điều 15, Điều 19, Điều 23, Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 13, Điều 18, Điều 21, Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019. Điều 32, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu" đối với (Đà Nẵng).

Tuyên xử: Hợp đồng lao động số 04949 ngày 14/3/2011 giữa bà với (Đà Nẵng) từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 vô hiệu.

Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng, bà tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006526 ngày 03/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm